

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
Phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe
tâm thần giai đoạn 2022-2025 tỉnh Đắk Nông

Thực hiện Công văn số 1907/BYT-DP ngày 15/4/2022 của Bộ Y tế về việc xây dựng Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần; Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông xây dựng kế hoạch hành động phòng, chống bệnh không lây nhiễm và sức khỏe tâm thần giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG BỆNH KHÔNG LÂY NHIỄM GIAI ĐOẠN 2016-2021

1. Thông tin chung

Đắk Nông là tỉnh nằm ở phía nam Tây Nguyên gồm 07 huyện, 01 thành phố và 71 xã, phường, thị trấn, 713 thôn, buôn, bon, tổ dân phố; diện tích tự nhiên 651.561ha với 141,045km đường biên giới; dân số khoảng 664.416 người, cộng đồng dân cư gồm hơn 40 dân tộc cùng sinh sống; đồng bào dân tộc thiểu số chiếm khoảng 33% dân số; dân số vùng nông thôn chiếm trên 81,5%, mật độ dân số trung bình khoảng 90 người/km.

Đến tháng 12/2021, hệ thống tổ chức ngành Y tế công lập trên địa bàn tỉnh gồm: tuyến tỉnh có 07 đơn vị (01 Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh với 380 giường bệnh; cơ quan Sở Y tế, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trung tâm Giám định pháp y, Trung tâm Giám định y khoa); tuyến huyện có 08 Trung tâm Y tế huyện, thành phố, trong đó 07 Trung tâm Y tế huyện có giường bệnh với 915 giường bệnh; tuyến xã có 71 Trạm Y tế xã, phường, thị trấn. Tổng số giường bệnh/vạn dân đạt 18,8‰, tỷ lệ bác sỹ/vạn dân đạt 8,1‰.

Mạng lưới phòng, chống các bệnh không lây nhiễm (BKLN) được triển khai từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh là đơn vị tham mưu, tổ chức thực hiện hoạt động phòng, chống các bệnh không lây nhiễm trên địa bàn tỉnh. Tại tuyến huyện và tuyến xã đều có chuyên trách, phụ trách việc lập kế hoạch, thống kê báo cáo định kỳ cũng như triển khai các hoạt động tại địa bàn quản lý.

Điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn, tuy nhiên trong những năm gần đây đã có nhiều khởi sắc, các lĩnh vực kinh tế cơ bản giữ nhịp độ tăng trưởng, các sản phẩm công nghiệp chủ yếu thuộc lĩnh vực nguyên liệu đầu vào của các ngành công nghiệp vẫn duy trì được mức tăng trưởng ổn định. Năm 2021, tốc độ tăng trưởng kinh tế tỉnh Đắk Nông đứng thứ 2 khu vực Tây Nguyên. Tổng sản

phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2021 theo giá so sánh 2010 ước đạt 20.728 tỉ đồng, tốc độ tăng trưởng GRDP ước đạt 8,63%. GRDP bình quân đầu người ước đạt 52,1 triệu đồng/người.

2. Kết quả triển khai thực hiện chiến lược trong giai đoạn 2015-2021

2.1. Thực hiện các chính sách, pháp luật và phối hợp liên ngành

a) Phòng chống tác hại thuốc lá

- Sở Y tế đã ban hành văn bản triển khai, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai các hoạt động phòng, chống tác hại thuốc lá và hưởng ứng ngày Thế giới không thuốc lá (31/5).

- Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện Luật và thành lập Ban chỉ đạo Phòng chống tác hại thuốc lá, chỉ đạo các đơn vị trường học thực hiện công tác phòng, chống tác hại thuốc lá tại cơ quan, đơn vị. Nhiều cơ sở giáo dục đã xây dựng cơ quan, đơn vị không khói thuốc; tổ chức ký cam kết không hút thuốc lá tại nơi làm việc đối với từng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, đưa việc không hút thuốc lá vào chỉ tiêu thi đua để xếp loại cuối năm.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phổ biến, quán triệt việc thực hiện Thông tư số 25/2018/TT-BVHTTDL ngày 30/8/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định việc hạn chế hình ảnh diễn viên sử dụng thuốc lá trong tác phẩm sân khấu, điện ảnh.

b) Phòng, chống tác hại rượu, bia

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 676/KH-UBND ngày 31/12/2019 về việc triển khai thi hành Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia; trong đó, nêu rõ mục đích, yêu cầu, giải pháp thực hiện và phân công trách nhiệm cụ thể cho các Sở, ban, ngành liên quan trong phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, các đơn vị lực lượng vũ trang và UBND các huyện, thành phố đã phổ biến nội dung Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia và Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc địa bàn quản lý. Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông, tổ chức các chương trình, chiến dịch truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về phòng, chống tác hại của rượu, bia trên địa bàn toàn tỉnh.

- Có sự phối hợp giữa các Sở, ban, ngành và các đơn vị thông tin truyền thông trên địa bàn tỉnh trong công tác tuyên truyền phòng, chống tác hại của rượu, bia trên các phương tiện thông tin đại chúng qua các phóng sự, chuyên mục, bản tin.

- Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp đã lồng ghép tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh về các văn bản của Trung ương, địa phương và cách phòng chống tác hại của rượu, bia thông qua triển khai Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

- Công an tỉnh thường xuyên lồng ghép tổ chức các buổi tuyên truyền, phổ biến Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia; Luật Giao thông đường bộ và Nghị

định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt đến học sinh, sinh viên, cán bộ, công chức và nhân dân trên địa bàn tỉnh. Ban hành các kế hoạch chuyên đề về xử lý vi phạm nồng độ cồn, ma túy và các chất kích thích khác mà pháp luật nghiêm cấm để hạn chế giảm mức tiêu thụ rượu, bia và các biện pháp kiểm soát, kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm đối với rượu, bia sản xuất trong nước, nhập khẩu và biện pháp phòng, chống rượu, bia nhập lậu, giả và không bảo đảm chất lượng trên địa bàn tỉnh.

- Sở Công Thương đã triển khai công tác thông tin, tuyên truyền bằng hình thức văn bản và trên trang Thông tin điện tử để nâng cao nhận thức đối với các cơ sở trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về hoạt động sản xuất, kinh doanh rượu, bia, cụ thể văn bản quy phạm pháp luật sau: Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019; Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia; Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về việc kinh doanh rượu; Công văn số 2447/UBND-KTKH ngày 12/5/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc tăng cường quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là đối với sản phẩm rượu.

- Tất cả các cơ sở giáo dục gồm 367 đơn vị trên địa bàn tỉnh cam kết: cán bộ, giáo viên, nhân viên không uống rượu, bia trong giờ làm việc; cam kết không bán rượu, bia và sản phẩm có cồn trong trường học.

- Trung tâm Y tế các huyện, thành phố và 71 Trạm Y tế xã/phường xây dựng kế hoạch sàng lọc và can thiệp giảm tác hại cho người có nguy cơ sức khỏe do uống rượu, bia với 3.950 người, kết quả phân loại theo nhóm nguy cơ như sau:

- + Nhóm nguy cơ I (uống rượu, bia ở mức nguy cơ thấp): 58%
- + Nhóm nguy cơ II (uống rượu, bia ở mức nguy cơ cao): 31,7%
- + Nhóm nguy cơ III (uống rượu, bia ở mức nguy cơ rất cao): 7,7%
- + Nhóm nguy cơ IV (nguy cơ lệ thuộc/nghiện rượu, bia): 2,4%

Tất cả đối tượng sàng lọc và phân loại theo các nhóm nguy cơ trên được nhân viên y tế lập kế hoạch theo dõi, hỗ trợ tư vấn tùy thuộc vào nhóm nguy cơ và mức độ của thay đổi hành vi.

2.2. Truyền thông và vận động xã hội

- Hướng ứng các ngày sức khỏe trong năm như ngày thế giới phòng, chống Ung thư (04/02), ngày thế giới phòng, chống Tăng huyết áp (17/5), ngày Hen toàn cầu, ngày toàn dân mua và sử dụng muối và các chế phẩm có Iốt (02/11), ngày Thế giới phòng, chống Đái tháo đường (14/11) bằng nhiều hình thức: treo băng rôn theo chủ đề, phát tờ rơi truyền thông, tuyên truyền qua loa di động tại Trạm Y tế...

- Tiếp nhận và phân phối 19.700 tờ rơi truyền thông giảm tiêu thụ muối, 36 cuốn Hỏi đáp ăn thừa muối và nguy cơ đối với sức khỏe, tài liệu Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và quản lý một số BKLN tại Trạm Y tế xã, tài liệu hướng dẫn thực hành quản lý bệnh Đái tháo đường tại Trạm Y tế xã, hướng dẫn thực hành tư vấn dinh dưỡng cho người bệnh Đái tháo đường.

- Các Trạm Y tế thực hiện tư vấn trực tiếp cho bệnh nhân về phòng, chống BKLN; bệnh nhân được tư vấn các vấn đề về phòng, tránh yếu tố nguy cơ, các dấu

hiệu nghi ngờ mắc một số bệnh không lây nhiễm, các dấu hiệu cần đến khám tại cơ sở y tế...

- Phát thanh nội dung về phòng, chống bệnh không lây nhiễm thông qua loa phát thanh tại ủy ban nhân dân các xã, định kỳ 1 lần/tháng.

- Tổ chức 36 lớp tư vấn, nói chuyện chuyên đề hướng dẫn phòng, chống bệnh Ung thư, các yếu tố nguy cơ cho người bệnh và cộng đồng cho 3.603 học viên.

- Tổ chức thành công chiến dịch truyền thông Ngày Thế giới Phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính tại Gia Nghĩa với nhiều hình thức đa dạng: tổ chức mít tinh với 30 đoàn viên thanh niên treo cờ phướn trên xe máy đi diễu hành cùng truyền thông lưu động bằng ô tô qua các trục đường trên toàn địa bàn thành phố; treo băng rôn truyền thông về phòng, chống Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính trên địa bàn toàn tỉnh tại các trục đường chính và nơi đông dân cư.

- Tổ chức nói chuyện chuyên đề về Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản tại 15 xã thuộc 7 huyện với 805 người tham dự.

2.3. Tăng cường hệ thống cung cấp dịch vụ và chuyên môn kỹ thuật

a) Công tác phát triển mạng lưới, tập huấn nâng cao năng lực

Mạng lưới phòng, chống các BKLN được triển khai từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh là đơn vị tham mưu, tổ chức thực hiện các chương trình, dự án liên quan đến phòng, chống các BKLN trên địa bàn tỉnh. Tại tuyến huyện và tuyến xã đều có chuyên trách, phụ trách việc lập kế hoạch, thống kê báo cáo định kỳ cũng như triển khai các hoạt động tại địa bàn quản lý. Tuy nhiên, các hoạt động phòng, chống BKLN đều chưa có bác sỹ chuyên khoa phụ trách, các cán bộ chuyên trách chương trình chưa được tham gia đào tạo, tập huấn chuyên môn do Trung ương tổ chức (đa phần các đợt tập huấn chỉ chú trọng vào công tác quản lý hoạt động chương trình).

Công tác tập huấn cho cán bộ chuyên trách trên địa bàn tỉnh chủ yếu do cán bộ chuyên trách tuyến tỉnh thực hiện (một số lớp có sự hỗ trợ của Trung ương):

- Hoạt động phòng, chống Ung thư: mở 2 lớp tập huấn kiến thức cơ bản về dự phòng, phát hiện sớm bệnh Ung thư cho cán bộ chuyên trách tuyến huyện, xã.

- Hoạt động phòng, chống bệnh tim mạch: các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh được tập huấn phổ biến “Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị Tăng huyết áp” do Bộ Y tế ban hành.

- Hoạt động phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản: mở 4 lớp đào tạo tập huấn chuyên đề Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản cho cán bộ Trạm Y tế xã/phường, 4 lớp cho cán bộ tuyến tỉnh, huyện (Bệnh viện đa khoa tỉnh, Trung tâm Y tế huyện/thành phố).

- Hoạt động Chăm sóc sức khỏe tâm thần cộng đồng và trẻ em: mở 2 lớp đào tạo, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho 25 cán bộ chuyên trách tuyến huyện và xã/phường; 01 lớp đào tạo liên tục về bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn Tâm thần cho 30 học viên; triển khai 01 lớp đo, đọc điện não vi tính cho 30 học viên; tổ chức 36 lớp tập huấn kỹ năng phục hồi chức năng cho cán bộ y

tế thôn, bon và người nhà bệnh nhân với 950 học viên; triển khai tập huấn xây dựng mô hình điểm về bệnh Động kinh tại 45 xã, phường cho cán bộ chuyên trách, y tế thôn, bon về kiến thức bệnh Tâm thần cho 1.350 học viên. Phối hợp với Bệnh viện Tâm thần Trung ương 2 tổ chức 1 lớp tập huấn cho 26 cán bộ chuyên trách tâm thần Trạm Y tế, cán bộ thôn, bon tại điểm duy trì trầm cảm và 1 lớp đào tạo bồi dưỡng kiến thức kỹ năng nghiệp vụ chuyên khoa tâm thần cho 72 cán bộ chuyên trách tâm thần tuyến huyện, xã.

- Phối hợp với Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên tổ chức lớp tập huấn đào tạo giảng viên tuyến tỉnh, huyện và xã điểm về quản lý, điều trị tăng huyết áp và đái tháo đường theo nguyên lý y học gia đình cho 32 học viên.

- Năm 2019, tổ chức 17 lớp tập huấn về truyền thông, dự phòng, phát hiện sớm, quản lý điều trị bệnh không lây nhiễm tại Trạm Y tế xã theo Quyết định số 2559/QĐ-BYT ngày 20/4/2018 của Bộ Y tế với 477 học viên là cán bộ Trạm Y tế.

- Năm 2020, tổ chức 12 lớp tập huấn về chẩn đoán, điều trị và quản lý một số BKLN với 315 học viên tham dự.

b) Hoạt động dự phòng cho người nguy cơ cao, tiền bệnh, tổ chức các hình thức sàng lọc, phát hiện sớm người mắc bệnh

- Hoạt động sàng lọc yếu tố nguy cơ, phát hiện sớm một số BKLN: triển khai sàng lọc đánh giá yếu tố nguy cơ và phát hiện sớm một số BKLN bằng phiếu cho 11.913 người dân từ 40 tuổi trở lên. Ghi nhận: 4.270 người có yếu tố nguy cơ BKLN như hút thuốc lá, uống nhiều rượu, bia, thiếu vận động thể lực, chế độ ăn không hợp lý...; qua đó, thực hiện tư vấn trực tiếp cho người dân có yếu tố nguy cơ về cách phòng, tránh các dấu hiệu nhận biết sớm bệnh, các dấu hiệu cần đi khám tại cơ sở y tế.

- Hoạt động khám sàng lọc chủ động đến năm 2020 (năm 2021 do tình hình dịch COVID-19 nên không triển khai):

+ Khám sàng lọc Ung thư cổ tử cung tại 26 xã cho 9.467 phụ nữ từ 30 đến 54 tuổi (đạt 10,1%), từ đó phát hiện những người có tình trạng viêm âm đạo, cổ tử cung, làm pap'smear xác định tình trạng bất thường của tế bào cổ tử cung.

+ Khám sàng lọc Tăng huyết áp tại 28 xã, phường, thị trấn với 18.387 người tham gia, phát hiện được 2.906 bệnh nhân mới đưa vào quản lý điều trị. Tổng số bệnh nhân được phát hiện là 10.231, tỷ lệ bệnh nhân được phát hiện 13,1%.

+ Khám sàng lọc Đái tháo đường tại 17 xã, phường, thị trấn với 5.652 lượt người được khám sàng lọc, phát hiện và đưa vào quản lý điều trị 326 bệnh nhân Đái tháo đường mới, nâng tổng số bệnh nhân Đái tháo đường được phát hiện lên 2.812 người, đạt tỷ lệ 20,7%.

+ Triển khai khám phát hiện bệnh nhân tâm thần tại 68 xã, phường, thị trấn, phát hiện 832 bệnh nhân mới; đến nay đã hoàn thành 100% xã, phường quản lý bệnh Tâm thần phân liệt, động kinh; 49% xã, phường quản lý bệnh trầm cảm; tỷ lệ điều trị ổn định đạt trên 77%.

+ Triển khai khám phát hiện bệnh nhân nghi mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản tại 8 xã trên địa bàn tỉnh; tất cả bệnh nhân ghi nhận mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản đều đã được chẩn đoán trước đó tại các cơ sở y tế, không ghi nhận bệnh nhân mới.

- Kết quả triển khai quản lý điều trị BKLN tại Trạm Y tế xã: hiện nay số xã quản lý điều trị đối với bệnh nhân Tăng huyết áp là 70 xã (đạt 98,6%), đối với bệnh nhân Đái tháo đường là 32 xã (45%), đối với bệnh nhân phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản là 35 xã (49%), đối với bệnh nhân Tâm thần phân liệt, động kinh là 71 xã (đạt 100%).

Tăng huyết áp: tổng số bệnh nhân được phát hiện: 14.427/81.525 (ước tính số bệnh nhân hiện mắc tại cộng đồng 12% dân số), đạt tỷ lệ: 17,7%; trong đó số bệnh nhân mới phát hiện trong năm 2021 là 4.062 người, số bệnh nhân quản lý điều trị tại cơ sở y tế 9.189 người (đạt 63,7%), tổng số tử vong: 219 người.

Đái tháo đường: tổng số bệnh nhân được phát hiện: 4.552/13.587 (ước tính số bệnh nhân hiện mắc tại cộng đồng 2% dân số) tỷ lệ: 33,5%. Trong đó: số bệnh nhân mới phát hiện trong năm 2021 là 1.618 người, số bệnh nhân quản lý điều trị tại cơ sở y tế: 2.285 người (đạt 50,1%), tử vong: 22 người.

- Tổng số bệnh nhân phổi tắc nghẽn mạn tính đã phát hiện là 824 bệnh nhân, trong đó 50,3% được quản lý điều trị tại các cơ sở y tế.

- Tổng số bệnh nhân tâm thần đã phát hiện là 2.498 bệnh nhân (37,6%) trong đó 85,6% được quản lý điều trị, 80,9% bệnh nhân được điều trị ổn định.

2.4. Về nguồn lực

- Nguồn nhân lực phòng, chống BKLN tại các tuyến còn chưa đáp ứng được nhu cầu, cán bộ chuyên trách còn thiếu và phải kiêm nhiệm nhiều chương trình, bên cạnh đó trong giai đoạn vừa qua thường xuyên có sự thay đổi, luân chuyển nên gây khó khăn trong việc triển khai hoạt động.

- Trang thiết bị dành cho chẩn đoán xác định và theo dõi điều trị một số BKLN vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu: hiện toàn tỉnh chỉ có 2 máy đo chức năng hô hấp và 1 kỹ thuật viên đo chức năng hô hấp thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh; các Trạm Y tế không có máy đo đường huyết mao mạch để theo dõi, đánh giá hiệu quả điều trị; các đơn vị y tế trên toàn tỉnh chưa đủ năng lực để chẩn đoán, điều trị bệnh Ung thư; máy siêu âm xách tay không có đầu dò siêu âm tuyến vú để phục vụ sàng lọc Ung thư vú tại cộng đồng.

- Cung ứng thuốc: bệnh nhân nhận thuốc điều trị Tăng huyết áp, Đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản từ nguồn bảo hiểm y tế. Riêng thuốc điều trị bệnh Tâm thần được mua từ kinh phí Trung ương và hỗ trợ từ Bệnh viện Tâm thần Trung ương 2 để cấp cho bệnh nhân. Căn cứ theo dự trù của tuyến dưới thuốc luôn được tuyến trên phân phối hàng quý đảm bảo số lượng thuốc điều trị cho bệnh nhân.

- Nguồn kinh phí triển khai hoạt động phòng, chống BKLN qua từng năm, bao gồm nguồn kinh phí Trung ương, kinh phí địa phương.

2.5. Kết quả hoạt động nghiên cứu, theo dõi, giám sát và hợp tác quốc tế trong phòng, chống BKLN

- Trong giai đoạn 2015-2021 không triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học về BKLN.

- Công tác theo dõi, giám sát hoạt động phòng, chống BKLN: hàng năm, các hoạt động thực hiện kiểm tra, giám sát, hỗ trợ, hướng dẫn chuyên môn tại các đơn vị tuyến huyện và xã, phường, thị trấn, từng bước nâng cao năng lực phát hiện, quản lý điều trị bệnh nhân mắc các bệnh KLN, công tác quản lý hồ sơ bệnh án, điều trị bệnh nhân, công tác thống kê báo cáo theo quy định BHYT. Ngoài ra, cũng đã chú trọng giám sát, tư vấn trực tiếp tại nhà bệnh nhân để đánh giá tiến triển bệnh, tuân thủ sử dụng thuốc.

3. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu của chiến lược cho giai đoạn 2015-2020 (số liệu thông qua điều tra hoặc ước tính):

Nhìn chung các chỉ tiêu được tỉnh chủ động triển khai cơ bản đạt, tuy nhiên có một số chỉ tiêu chưa đạt hoặc thuộc thẩm quyền Bộ Y tế điều tra và công bố, nhưng do tình hình dịch bệnh phức tạp trong năm 2020-2021, đến nay Bộ Y tế chưa công bố một số chỉ tiêu liên quan (Chi tiết như phụ lục kèm theo).

4. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Đa số các BKLN không gây tử vong sớm nhưng tạo ra gánh nặng cho xã hội vì tình trạng bệnh tật kéo dài, di chứng tàn tật tồn tại do biến chứng bệnh,... làm ảnh hưởng đến kinh tế, tâm lý, chất lượng cuộc sống.

- Công tác tuyên truyền về phòng, chống bệnh không lây nhiễm trong cộng đồng vẫn còn hạn chế do nguồn kinh phí quá hạn hẹp, sự phối hợp giữa ngành Y tế với một số ban, ngành, đoàn thể ở địa phương chưa chặt chẽ.

- Tỷ lệ bệnh nhân không lây nhiễm được phát hiện còn thấp do đa phần bệnh nhân khám và điều trị ở y tế tư nhân hoặc tự mua thuốc điều trị, trong khi đó hệ thống báo cáo các bệnh không lây nhiễm chỉ mới bao phủ được hệ thống y tế công lập (tỷ lệ bệnh nhân Tăng huyết áp được phát hiện 17,7%; tỷ lệ bệnh nhân Đái tháo đường được phát hiện 33,5%).

- Công tác sàng lọc phát hiện bệnh nhân chưa đáp ứng được yêu cầu do nguồn kinh phí hạn hẹp và thiếu đội ngũ bác sĩ chuyên khoa.

- Tỷ lệ quản lý điều trị một số BKLN tại Trạm Y tế còn thấp (21,5% bệnh nhân Đái tháo đường, 15,4% bệnh nhân phổi tắc nghẽn mạn tính được quản lý điều trị tại Trạm Y tế).

- Trong giai đoạn 2015-2020, Bộ Y tế cũng chưa hướng dẫn rõ việc phân cấp đánh giá các chỉ số liên quan nên còn lúng túng trong đánh giá chỉ số; so với giai đoạn 2015-2020 thì giai đoạn 2021-2025, đã có khung hướng dẫn rõ hơn việc phân cấp đánh giá các chỉ số như nêu tại phụ lục 1 của khung hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phòng, chống BKLN và rối loạn sức khỏe tâm thần giai đoạn 2022-2025.

- Hiện tại BHYT không thanh toán cho hoạt động khám sàng lọc và thuốc điều trị một số BKLN không có trong danh mục tại Trạm Y tế xã.

- Nguồn kinh phí cấp cho hoạt động phòng, chống các BKLN còn hạn hẹp, chủ yếu là nguồn kinh phí địa phương, nên ảnh hưởng không nhỏ đến việc triển khai các hoạt động chuyên môn.

- Trình độ chuyên môn và đội ngũ bác sĩ chuyên khoa về các bệnh tim mạch, Đái tháo đường, Tâm thần,... còn thiếu và yếu; các đơn vị y tế trên toàn tỉnh chưa đủ năng lực để chẩn đoán, điều trị bệnh Ung thư; trang thiết bị dành cho chẩn đoán xác định và theo dõi điều trị một số BKLN vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu.

5. Các đề xuất, kiến nghị cho triển khai thực hiện chiến lược giai đoạn 2021-2025

Đề nghị Bộ Y tế:

- Hướng dẫn quy trình, công cụ giám sát, điều tra, đánh giá thống nhất áp dụng trên toàn quốc, kết hợp kiện toàn hệ thống thu thập thông tin báo cáo BKLN.

- Chỉ đạo thống nhất về liên thông dữ liệu khám, chữa bệnh trên các phần mềm, đặc biệt là các BKLN.

- Tập huấn, hướng dẫn xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về BKLN; thống nhất phần mềm quản lý và công bố các thông tin, dữ liệu về BKLN cũng như liên thông và kết nối dữ liệu dân cư, tránh tình trạng quá nhiều phần mềm trong quản lý, theo dõi bệnh nhân.

- Hằng năm hỗ trợ thêm nguồn kinh phí để phục vụ công tác điều tra, khám sàng lọc (trung bình 01 năm khoảng 500.000.000 đồng).

II. KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG BKLN VÀ RỐI LOẠN SỨC KHỎE TÂM THẦN GIAI ĐOẠN 2022-2025

1. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Quyết định số 155/QĐ-TTg ngày 29/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống BKLN và rối loạn sức khỏe tâm thần giai đoạn 2022-2025;

- Căn cứ Công văn số 1907/BYT-DP ngày 15/4/2022 của Bộ Y tế về việc xây dựng Kế hoạch quốc gia phòng, chống BKLN và rối loạn sức khỏe tâm thần.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Tăng cường kiểm soát các yếu tố nguy cơ gây bệnh, đẩy mạnh các biện pháp dự phòng, phát hiện sớm và quản lý điều trị để hạn chế sự gia tăng tỷ lệ người tiền bệnh, mắc bệnh, tàn tật và tử vong sớm do các bệnh tim mạch, ung thư, đái tháo đường, phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản (sau đây gọi chung là BKLN) và các bệnh tâm thần phân liệt, động kinh, trầm cảm, các rối loạn sức khỏe tâm thần khác (sau đây gọi chung là rối loạn sức khỏe tâm thần) nhằm góp phần bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe của nhân dân và phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh.

2.2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

a) Mục tiêu 1. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp chính quyền, tăng cường phối hợp liên ngành, hoàn thiện các chính sách về phòng, chống BKLN và rối loạn sức khỏe tâm thần.

Chỉ tiêu: 100% các huyện, thành phố có kế hoạch liên ngành phòng, chống BKLN và rối loạn sức khỏe tâm thần đến năm 2025 được Ủy ban nhân huyện, thành phố phê duyệt.

b) Mục tiêu 2: Giảm thiểu các hành vi nguy cơ chính để dự phòng mắc BKLN và rối loạn sức khỏe tâm thần.

* Chỉ tiêu:

- 90% Trạm Y tế xã và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện truyền thông phòng, chống tác hại của thuốc lá, rượu, bia, bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, tăng cường vận động thể lực, phát hiện sớm BKLN và rối loạn sức khỏe tâm thần.

- Ít nhất 80% người từ 13 tuổi trở lên được truyền thông về phòng chống tác hại của thuốc lá, rượu, bia, bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, tăng cường vận động thể lực phù hợp.

- Ít nhất 80% người từ 40 tuổi trở lên được truyền thông, cung cấp thông tin, hướng dẫn theo dõi sức khỏe, phát hiện sớm BKLN và rối loạn sức khỏe tâm thần.

c) Mục tiêu 3. Tăng tỷ lệ phát hiện, quản lý điều trị, chăm sóc người mắc BKLN và rối loạn sức khỏe tâm thần.

* Chỉ tiêu:

Quản lý dự phòng nguy cơ cao, tiền bệnh:

- Ít nhất 70% người phát hiện bị thừa cân, béo phì được thực hiện các biện pháp tư vấn kiểm soát thừa cân, béo phì phù hợp.

- Ít nhất 70% người phát hiện nguy cơ tim mạch được thực hiện các biện pháp quản lý điều trị dự phòng theo quy định.

- Ít nhất 30% người từ 18 tuổi trở lên được sàng lọc và can thiệp giảm tác hại cho người có nguy cơ sức khỏe do uống rượu, bia.

Sàng lọc, phát hiện, quản lý điều trị Tăng huyết áp:

- Ít nhất 70% người từ 40 tuổi trở lên được đo huyết áp 1 lần/năm để phát hiện sớm Tăng huyết áp.

- Ít nhất 50% người mắc Tăng huyết áp được phát hiện; 50% số người phát hiện bệnh được quản lý điều trị theo hướng dẫn chuyên môn.

Sàng lọc, phát hiện, quản lý điều trị Đái tháo đường, tiền Đái tháo đường:

- Ít nhất 70% người từ 40 tuổi trở lên được sàng lọc bằng phiếu đánh giá nguy cơ và xét nghiệm đường máu 1 lần/năm để phát hiện sớm Đái tháo đường.

- Ít nhất 55% người mắc Đái tháo đường được phát hiện và 55% số người phát hiện bệnh được quản lý điều trị theo hướng dẫn chuyên môn; 30% người tiền Đái tháo đường được phát hiện và 50% số phát hiện được can thiệp dự phòng, điều trị theo hướng dẫn chuyên môn.

Sàng lọc, phát hiện, quản lý điều trị bệnh hô hấp mạn tính:

- Ít nhất 50% người từ 40 tuổi trở lên được khám sàng lọc định kỳ 1 lần/năm để xác định nguy cơ bệnh hô hấp mạn tính.

- Ít nhất 50% người mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính được phát hiện ở giai đoạn trước khi có biến chứng và 50% số người phát hiện bệnh được quản lý điều trị theo hướng dẫn chuyên môn.

- Ít nhất 50% người bệnh hen phế quản được phát hiện ở giai đoạn trước khi có biến chứng và 50% số người phát hiện bệnh được điều trị đạt kiểm soát hen trong đó 20% đạt kiểm soát hoàn toàn.

Sàng lọc, phát hiện bệnh Ung thư:

- Ít nhất 40% người thuộc đối tượng sàng lọc được định kỳ sàng lọc Ung thư vú và Ung thư cổ tử cung theo hướng dẫn sàng lọc từng loại Ung thư.

Sàng lọc, phát hiện, quản lý điều trị rối loạn sức khỏe tâm thần:

- Ít nhất 40% người thuộc đối tượng sàng lọc được định kỳ sàng lọc một số rối loạn sức khỏe tâm thần theo hướng dẫn sàng lọc từng bệnh.

- Phát hiện được ít nhất 70% người mắc tâm thần phân liệt và động kinh, 50% người mắc trầm cảm.

- Quản lý điều trị ít nhất 80% người bệnh tâm thần phân liệt, 70% người bệnh động kinh và 50% người bệnh trầm cảm đã được phát hiện.

d) Mục tiêu 4. Phát triển, nâng cao năng lực hệ thống để bảo đảm cung cấp dịch vụ phòng, chống BKLN và rối loạn sức khỏe tâm thần.

- Phấn đấu Bệnh viện đa khoa tỉnh, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh thiết lập khoa/tổ phòng chống Ung thư triển khai hoạt động dự phòng phát hiện chẩn đoán và quản lý, điều trị bệnh Ung thư.

- Ít nhất 60% số huyện và tương đương (sau đây gọi chung là huyện) có cơ sở y tế triển khai khám, chẩn đoán, quản lý điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản theo quy định.

- 95% số Trung tâm Y tế huyện, thành phố triển khai khám, chẩn đoán, quản lý điều trị Tăng huyết áp và Đái tháo đường theo quy định.

- 95% Trạm Y tế xã thực hiện khám bệnh, chữa bệnh có ít nhất 3 nhóm thuốc điều trị bệnh Tăng huyết áp, 2 nhóm thuốc điều trị bệnh Đái tháo đường và có thuốc thiết yếu cho điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản theo danh mục quy định.

- 95% số Trạm Y tế xã thực hiện dự phòng, phát hiện, quản lý điều trị Tăng huyết áp, Đái tháo đường và các BKLN khác theo quy định.

- 100% số huyện có cơ sở y tế thực hiện quản lý cấp thuốc điều trị cho người bệnh tâm thần phân liệt và động kinh; 60% số huyện có cơ sở y tế thực hiện chẩn đoán, điều trị, quản lý cấp thuốc cho người bệnh trầm cảm và 50% số huyện có cơ sở y tế thực hiện quản lý cấp thuốc điều trị cho người mắc một số rối loạn sức khỏe tâm thần khác.

- 100% số Trạm Y tế xã thực hiện quản lý cấp thuốc điều trị cho người bệnh tâm thần phân liệt và động kinh; 50% số Trạm Y tế xã quản lý cấp thuốc điều trị cho người bệnh trầm cảm.

- 100% cán bộ y tế thực hiện công tác phòng, chống BKLN, rối loạn sức khỏe tâm thần các tuyến được đào tạo tập huấn về dự phòng, giám sát, phát hiện, quản lý, chẩn đoán, điều trị bệnh theo quy định.

đ) Mục tiêu 5. Phát triển hệ thống giám sát, quản lý thông tin, thống kê báo cáo BKLN, rối loạn sức khỏe tâm thần và các yếu tố nguy cơ

- 100% Trạm Y tế xã và các cơ sở y tế liên quan thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin và thống kê báo cáo đầy đủ kết quả dự phòng, phát hiện, quản lý điều trị và nguyên nhân tử vong do các BKLN và rối loạn sức khỏe tâm thần theo quy định.

- 95% cán bộ đầu mối giám sát, thống kê báo cáo các tuyến được tập huấn về giám sát, quản lý thông tin, thống kê báo cáo BKLN và rối loạn sức khỏe tâm thần theo quy định.

3. Các giải pháp và nhiệm vụ chủ yếu

3.1. Tăng cường công tác quản lý, lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện các chính sách

- Các cấp chính quyền, các Sở, Ban, ngành liên quan chủ động xây dựng kế hoạch, chỉ đạo thực hiện, đưa các chỉ tiêu vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các Sở, Ban, ngành, địa phương và ưu tiên phân bổ kinh phí hằng năm để đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu ở từng địa phương, từng Sở, Ban, ngành.

- Tăng cường trách nhiệm của các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố để phối hợp triển khai thực hiện các hoạt động của Kế hoạch trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi lĩnh vực do Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phụ trách.

- Đảm bảo thực hiện các chính sách, quy định của pháp luật về kiểm soát yếu tố nguy cơ, thúc đẩy các yếu tố tăng cường sức khỏe và phòng, chống BKLN.

- Cập nhật, bổ sung các văn bản tuyên trên đồng thời hướng dẫn triển khai cho các tuyến từ tỉnh tới cơ sở.

- Ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý, giám sát và đánh giá chương trình phòng, chống các BKLN.

3.2. Truyền thông và nâng cao sức khỏe để giảm thiểu các hành vi nguy cơ, dự phòng mắc BKLN và rối loạn sức khỏe tâm thần

- Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng và phát huy hiệu quả mạng lưới thông tin truyền thông địa phương để tuyên truyền, phổ biến vận động các cấp, các ngành, đoàn thể và người dân thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật, các hướng dẫn, khuyến cáo về nâng cao sức khỏe, phòng, chống bệnh tật.

- Sử dụng mạng lưới thông tin truyền thông từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở để tuyên truyền, phổ biến, vận động các cấp, các ngành, đoàn thể và người dân thực

hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật, các hướng dẫn, khuyến cáo về phòng, chống BKLN.

- Nghiên cứu, xây dựng và cung cấp các chương trình, tài liệu truyền thông về phòng, chống BKLN và rối loạn sức khỏe tâm thần phù hợp với phương thức truyền thông và các nhóm đối tượng.

- Xây dựng các thông điệp phát thanh để tuyên truyền phòng, chống bệnh không lây nhiễm phát trên hệ thống phát thanh của tỉnh, huyện và loa truyền thanh của xã, phường, thị trấn.

- Tổ chức hoạt động truyền thông trực tiếp và tư vấn sức khỏe cho các đối tượng nguy cơ và người bệnh tại cộng đồng: các buổi nói chuyện chuyên đề về các bệnh Ung thư, Tim mạch, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và hen phế quản.

- Tổ chức các câu lạc bộ sức khỏe của người mắc BKLN, phòng chống tác hại thuốc lá, tác hại rượu bia lồng ghép vào sinh hoạt của các đoàn thể địa phương như câu lạc bộ người cao tuổi, câu lạc bộ hơi thở xanh,...

- Đề xuất phát động phong trào toàn dân thực hiện lối sống tăng cường sức khỏe gắn với phòng, chống các BKLN.

- Vận động nâng cao sức khỏe tới từng nhóm đối tượng, trong đó chú trọng trường học nâng cao sức khỏe, nơi làm việc, người dân trong cộng đồng nhằm phòng chống bệnh tật theo tinh thần chương trình, đề án tăng cường vận động thể dục, thể thao cho người dân ở cộng đồng.

- Tổ chức truyền thông về các yếu tố nguy cơ và cách phòng BKLN, chăm sóc sức khỏe tâm thần cho học sinh, sinh viên thông qua các chương trình, hoạt động giáo dục phù hợp tại các cơ sở giáo dục.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông hưởng ứng Ngày Thế giới phòng, chống Ung thư (04/02), Ngày Thế giới phòng chống Tăng huyết áp (17/5), Ngày Hen toàn cầu, Ngày toàn dân mua và sử dụng muối và các chế phẩm có Iốt (02/11), Ngày Thế giới phòng chống Đái tháo đường (14/11); truyền thông vận động thực hiện giảm muối trong khẩu phần ăn để phòng, chống Tăng huyết áp, đột quy và các BKLN khác giai đoạn 2018-2025 được phê duyệt tại Quyết định số 2033/QĐ-BYT ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế; bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên để nâng cao sức khỏe, dự phòng BKLN giai đoạn 2018-2025 được phê duyệt tại Quyết định số 41/QĐ-TTg ngày 08/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

3.3. Tăng cường cung cấp các dịch vụ dự phòng, phát hiện sớm, quản lý, điều trị, chăm sóc người bệnh

- Đào tạo nâng cao năng lực phòng, chống BKLN và rối loạn sức khỏe tâm thần đối với các cán bộ y tế tại các tuyến, ưu tiên đào tạo cho tuyến xã, cán bộ y tế trường học và lực lượng nhân viên y tế thôn bản (không được hưởng lương). Có chế độ phù hợp để khuyến khích cán bộ y tế tại Trạm Y tế xã tham gia các hoạt động phát hiện sớm, giám sát và quản lý điều trị BKLN và rối loạn sức khỏe tâm thần tại cộng đồng, triển khai kịp thời các hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật về dự phòng, phát hiện, quản lý, điều trị BKLN và rối loạn sức khỏe tâm thần của Bộ Y tế.

- Tăng cường chỉ đạo tuyến, hỗ trợ kịp thời, đúng hướng dẫn tại các tuyến đặc biệt Trạm Y tế xã theo phân tuyến chuyên môn kỹ thuật.

- Tăng cường phát hiện, quản lý, điều trị tại Trạm Y tế xã và cộng đồng cho người mắc BKLN và rối loạn sức khỏe tâm thần theo quy định, bảo đảm cung cấp dịch vụ quản lý và chăm sóc liên tục cho người bệnh.

- Tăng cường hiệu quả các hoạt động của hệ y tế dự phòng trong kiểm soát yếu tố nguy cơ, phòng, chống các BKLN và rối loạn sức khỏe tâm thần.

- Củng cố, kiện toàn tuyến tỉnh, huyện triển khai các khoa/tổ để cung cấp các dịch vụ toàn diện và chuyên sâu cho chẩn đoán, điều trị bệnh nhân mắc BKLN và rối loạn sức khỏe tâm thần. Xác định rõ các dịch vụ cần cung cấp và thông tin cụ thể (hình thức thực hiện, đối tượng thụ hưởng, cấp thực hiện,...) đến người dân trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất cho hoạt động giám sát, dự phòng, phát hiện, chẩn đoán sớm, điều trị BKLN và rối loạn sức khỏe tâm thần. Bảo đảm cung ứng thuốc và vật tư thiết yếu cho chẩn đoán, điều trị tại Trạm Y tế xã được bảo hiểm y tế chi trả; bảo đảm cung ứng vắc xin, sinh phẩm cho dự phòng một số bệnh Ung thư.

- Lòng ghép khám sàng lọc phát hiện, quản lý dự phòng người có nguy cơ cao và người mắc BKLN vào các hoạt động khám sức khỏe định kỳ và quản lý sức khỏe tại các trường học, công ty, nông trường...

- Trạm Y tế triển khai phát hiện, điều trị dự phòng và điều trị duy trì theo chỉ định của tuyến trên, từng bước tiến tới tự quản lý điều trị được một số bệnh không lây nhiễm tại Trạm y tế (lập hồ sơ sổ sách, quản lý, theo dõi và tư vấn điều trị, chăm sóc bệnh nhân tại nhà...).

3.4. Phát triển, nâng cao năng lực hệ thống cung cấp dịch vụ phòng, chống BKLN và rối loạn sức khỏe tâm thần

a) Kiện toàn tổ chức mạng lưới phòng, chống BKLN

- Tại tuyến tỉnh: tập trung nâng cao năng lực cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Bệnh viện đa khoa tỉnh để tổ chức, triển khai hoạt động phòng, chống BKLN trên địa bàn và để cung cấp các dịch vụ dự phòng, phát hiện quản lý một số BKLN theo quy định.

- Tại tuyến huyện: củng cố tổ/bộ phận phòng, chống BKLN thuộc Trung tâm Y tế huyện để thực hiện chức năng đầu mối bệnh không lây nhiễm trên địa bàn, tập trung nâng cao năng lực chuyên môn theo hướng chuyên ngành về phòng, chống bệnh Tim mạch, Đái tháo đường; phòng chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản; phòng, chống Ung thư; chăm sóc sức khỏe tâm thần.

- Tại tuyến xã: bảo đảm tất cả các Trạm Y tế có cán bộ làm đầu mối chịu trách nhiệm hoạt động phòng, chống BKLN; tích hợp phòng, chống BKLN và chăm sóc sức khỏe tâm thần vào nhiệm vụ thường quy tại Trạm Y tế theo quy định chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Nâng cao năng lực dự phòng, phát hiện và quản lý BKLN

- Tổ chức tập huấn, tập huấn lại về dự phòng, chẩn đoán, quản lý điều trị BKLN gắn với đào tạo liên tục cho các đối tượng là giảng viên tuyến tỉnh (TOT tuyến tỉnh) và tập huấn lại cho cán bộ huyện, xã về dự phòng, chẩn đoán điều trị, quản lý đối với Tăng huyết áp và các bệnh Tim mạch; Đái tháo đường; bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và một số bệnh Ung thư cũng như cử đội ngũ bác sĩ tham gia các chương trình đào tạo chuyên sâu thuộc các chuyên khoa tâm thần, tim mạch,...

- Đảm bảo các điều kiện thiết yếu về cơ sở vật chất, trang thiết bị để triển khai hoạt động dự phòng, quản lý điều trị BKLN tại Trạm Y tế, bao gồm: thực hiện các qui định về cấp giấy phép hoạt động và chứng chỉ hành nghề; bảo đảm danh mục thuốc, trang thiết bị, xét nghiệm, vật tư, danh mục kỹ thuật theo phân tuyến; giao chỉ tiêu chuyên môn làm cơ sở cho việc kiểm tra giám sát đánh giá kết quả thực hiện.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin trong phòng, chống BKLN

- Kết nối, chia sẻ thông tin giữa các tuyến để bảo đảm theo dõi sức khoẻ, tình trạng bệnh tật của người dân một cách liên tục. Bảo đảm bí mật các thông tin về sức khoẻ của người dân.

- Tích hợp các nội dung vào hệ thống quản lý thông tin để phục vụ cho phát hiện sớm, quản lý các BKLN và thống kê báo cáo, quản lý thông tin, số liệu.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo, tập huấn và khám chữa bệnh từ xa.

3.5. Phát triển hệ thống giám sát, quản lý thông tin BKLN, rối loạn sức khỏe tâm thần và yếu tố nguy cơ gây bệnh

- Duy trì hệ thống quản lý thông tin, thống kê báo cáo hiện có và kết nối chặt chẽ giữa các tuyến để bảo đảm bệnh nhân được theo dõi, chăm sóc liên tục suốt quá trình bệnh.

- Củng cố mạng lưới giám sát BKLN và yếu tố nguy cơ:

Lồng ghép hoạt động giám sát BKLN trong hệ thống thông tin y tế hiện có, bổ sung thêm các chức năng, nhiệm vụ và công việc đặc thù của giám sát BKLN và yếu tố nguy cơ cho Trung tâm Y tế huyện, thành phố đối với tuyến huyện, tuyến tỉnh giao Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh làm đầu mối.

Thiết lập các đầu mối giám sát BKLN từ tỉnh đến huyện, xã.

3.6. Phối hợp, hợp tác với các tổ chức quốc tế và trong nước

Chủ động tích cực hợp tác với các viện, trường; giao lưu học hỏi các tỉnh, thành phố và các tổ chức, hiệp hội trong khu vực trong lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực phòng, chống BKLN và rối loạn sức khỏe tâm thần.

4. Kinh phí thực hiện

- Từ nguồn ngân sách Nhà nước bao gồm: nguồn ngân sách sự nghiệp được bố trí từ nguồn chi ngân sách sự nghiệp theo phân cấp ngân sách, trong đó ngân

sách tại địa phương bố trí cho triển khai kế hoạch bảo đảm thực hiện được các chỉ tiêu, mục tiêu và nhiệm vụ của kế hoạch; nguồn đầu tư công (thực hiện theo Luật Đầu tư công). Căn cứ kế hoạch UBND tỉnh, các Sở, ngành và địa phương xây dựng kế hoạch dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp trong kế hoạch dự toán ngân sách hằng năm của các Sở, ngành và địa phương trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Nguồn do quỹ bảo hiểm y tế chi trả.
- Nguồn quỹ phòng, chống tác hại thuốc lá.
- Nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác.

III. QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện kế hoạch trên địa bàn tỉnh.

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức triển khai các hoạt động của kế hoạch; hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện các hoạt động của kế hoạch; chủ trì, phối hợp để cung cấp các thông tin về kế hoạch cho các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch; định kỳ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan thực hiện các chính sách, quy định của pháp luật về bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, an toàn thực phẩm, vệ sinh phòng bệnh, tăng cường vận động thể lực và phòng, chống các yếu tố nguy cơ với sức khỏe và chăm sóc sức khỏe cho học sinh trong các cơ sở giáo dục.

- Tổ chức lồng ghép hoạt động sàng lọc phát hiện sớm, tư vấn dự phòng các BKLN và rối loạn sức khỏe tâm thần phù hợp với lứa tuổi trong quản lý, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em, học sinh, sinh viên tại cơ sở giáo dục.

- Triển khai hoạt động truyền thông thay đổi hành vi và giảng dạy kiến thức cho trẻ em, học sinh, sinh viên (nếu có) trong các cơ sở giáo dục về dinh dưỡng hợp lý, tăng cường vận động thể lực, an toàn thực phẩm, vệ sinh phòng bệnh và phòng, chống các yếu tố nguy cơ với sức khỏe.

- Tổ chức triển khai các chương trình, hoạt động về bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và an toàn thực phẩm, sữa học đường, tăng cường vận động thể lực và chăm sóc sức khỏe học sinh.

- Củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả công tác y tế trường học bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu đối với trẻ em, học sinh, sinh viên trong trường học.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan triển khai các chính sách, quy định pháp luật về phát triển thể dục, thể thao quần chúng, phát động các chương trình, phong trào rèn luyện thể dục thể thao trong cộng đồng, phổ biến, hướng dẫn

các bài tập thể dục cho người dân để nâng cao sức khỏe, phòng, chống BKLN, rối loạn sức khỏe tâm thần cho người dân cũng như triển khai thực hiện tốt nội dung Đề án Tăng cường hoạt động thể lực để nâng cao sức khỏe phòng, chống bệnh tật giai đoạn 2022-2025.

- Phối hợp chỉ đạo xây dựng mô hình cơ quan, đơn vị, địa phương có sân, bãi tập luyện thể dục thể thao; xây dựng thôn, bon, buôn, bản, tổ dân phố văn hóa, khu, điểm du lịch không khói thuốc.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các Sở, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông tăng cường tuyên truyền phòng, chống các BKLN và rối loạn sức khỏe tâm thần; các yếu tố nguy cơ gây bệnh nhằm tác động đến nhận thức, ý thức của người dân về phòng, chống BKLN và rối loạn sức khỏe tâm thần.

- Tăng cường quản lý, kiểm soát việc quảng cáo trên báo chí, xuất bản phẩm, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử đối với thuốc lá, rượu, bia và các sản phẩm khác có yếu tố nguy cơ sức khỏe.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với Sở Y tế thực hiện kế hoạch, đưa các mục tiêu, chỉ tiêu về phòng, chống BKLN vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và trung hạn, dài hạn.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế và các ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn lực đầu tư cho ngành Y tế và các đơn vị liên quan thực hiện kế hoạch.

6. Sở Tài chính: phối hợp với Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo kinh phí để thực hiện kế hoạch; đồng thời kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí thực hiện kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

7. Sở Giao thông vận tải: tăng cường quản lý, kiểm soát các phương tiện giao thông cơ giới thải ra môi trường các chất có nguy cơ gây BKLN theo quy định; nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển giao thông công cộng và hạ tầng cơ sở cho giao thông phi cơ giới.

8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe tâm thần thuộc Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021-2030 được phê duyệt tại Quyết định số 1929/QĐ-TTg ngày 25/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phối hợp với Sở Y tế và các Sở, Ban, ngành, địa phương liên quan tăng cường quản lý, thanh tra, giám sát bảo đảm môi trường làm việc nâng cao sức khỏe cho người lao động, giảm thiểu các yếu tố nguy cơ gây BKLN; chỉ đạo việc khám sức khỏe định kỳ nhằm phát hiện sớm, điều trị và phục hồi chức năng cho người lao động mắc BKLN.

9. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường và quản lý việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh nhằm giảm thiểu các yếu tố tác động đến sức khỏe người dân để thực hiện tốt các mục tiêu, chỉ tiêu tại kế hoạch quốc gia phòng, chống các BKLN và rối loạn sức khỏe tâm thần trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022- 2025.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Căn cứ theo các chỉ tiêu, mục tiêu của tỉnh để chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với yêu cầu tại địa phương, đưa các chỉ tiêu của kế hoạch vào trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Trực tiếp chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị tại địa phương triển khai thực hiện lồng ghép các nội dung hoạt động của kế hoạch trên địa bàn, bố trí đủ ngân sách, nhân lực, cơ sở vật chất để triển khai thực hiện được các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch tại địa phương.

- Hàng năm, tổ chức kiểm tra, giám sát, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện của kế hoạch về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

11. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên; các lực lượng vũ trang cấp tỉnh

Phối hợp với ngành Y tế và địa phương chỉ đạo các tổ chức thành viên, các hội viên, đoàn viên tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân hưởng ứng kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống bệnh Ung thư, Tim mạch, Đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính, hen phế quản và các BKLN khác trên địa bàn tỉnh.

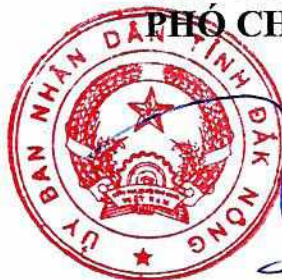
Trên đây là Kế hoạch hành động về phòng, chống BKLN và rối loạn sức khỏe tâm thần giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Các Sở, Ban, ngành, các đơn vị lực lượng vũ trang cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, tổ chức chính trị - xã hội và các đơn vị liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo, đề xuất về UBND tỉnh (thông qua Sở Y tế) để xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các đơn vị lực lượng vũ trang tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, CTTĐT, KGVX (S).

01

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Tôn Thị Ngọc Hạnh

Phụ lục

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU/CHỈ TIÊU ĐẶT RA ĐẾN NĂM 2020
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG**

(Kèm theo Kế hoạch số 266 /KH-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)

TT	Mục tiêu/Chỉ tiêu	Chỉ tiêu đặt ra đến năm 2020	Ước thực hiện	Đánh giá: Đạt/Không đạt	Lý do (Nếu không đạt nêu rõ lý do)
I	Mục tiêu 1: Nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền và hiểu biết của người dân trong phòng, chống các bệnh Ung thư, Tim mạch, Đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và các BKLN khác				
1	Chỉ tiêu 1: 100% UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có kế hoạch và đầu tư kinh phí triển khai thực hiện Chiến lược tại địa phương	Xây dựng kế hoạch và đầu tư kinh phí triển khai thực hiện chiến lược tại địa phương giai đoạn 2015-2020	Các nội dung được xây dựng lồng ghép và đã cụ thể hóa các nội dung chỉ tiêu chiến lược trong kế hoạch hoạt động hàng năm của ngành Y tế phê duyệt	Đạt	
2	Chỉ tiêu 2: 70% người dân hiểu biết về bệnh Ung thư, Tim mạch, Đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản và tác hại của các yếu tố nguy cơ cũng như các nguyên tắc phòng, chống các bệnh này	60% người dân hiểu biết về bệnh Ung thư, Tim mạch, Đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản và tác hại của các yếu tố nguy cơ cũng như các nguyên tắc phòng, chống các bệnh này. ¹	Đang chờ Bộ Y tế công bố kết quả điều tra quốc gia yếu tố nguy cơ BKLN (STEP) năm 2020		

¹ Căn cứ Quyết định 346/QĐ-BYT ngày 30/1/2015 của Bộ Y tế về việc ban hành kế hoạch phòng, chống bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2015-2020

TT	Mục tiêu/Chỉ tiêu	Chỉ tiêu đặt ra đến năm 2020	Ước thực hiện	Đánh giá: Đạt/Không đạt	Lý do (Nếu không đạt nêu rõ lý do)
II	Mục tiêu 2: Giảm thiểu các hành vi nguy cơ chính gây mắc các bệnh Ung thư, Tim mạch, Đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và các BKLN khác				
1	Chỉ tiêu 1: Giảm 30% tỷ lệ hút thuốc ở người trưởng thành so với năm 2015; giảm tỷ lệ hút thuốc ở nhóm vị thành niên xuống còn 20%	Giảm 20% tỷ lệ hút thuốc ở người trưởng thành so với năm 2015 ² Giảm tỷ lệ hút thuốc ở nhóm vị thành niên xuống còn 3,6% ³	Đang chờ Bộ Y tế công bố kết quả điều tra STEP năm 2020		Điều tra STEP của Bộ Y tế và điều tra tỷ lệ hút thuốc lá trên địa bàn tỉnh năm 2020 không đánh giá chỉ số này
2	Chỉ tiêu 2: Giảm 10% tỷ lệ uống rượu, bia ở mức có hại ở người trưởng thành so với năm 2015; giảm tỷ lệ có uống rượu, bia ở nhóm vị thành niên xuống còn 20%	Giảm 5% tỷ lệ uống rượu, bia ở mức có hại ở người trưởng thành so với năm 2015 ⁴ Giảm tỷ lệ có uống rượu, bia ở nhóm vị thành niên xuống còn 20% ⁵	Đang chờ Bộ Y tế công bố kết quả điều tra STEP năm 2020		Điều tra STEP của Bộ Y tế không hướng dẫn đánh giá chỉ số này
3	Chỉ tiêu 3: Giảm 30% mức độ tiêu thụ muối trung bình/người/ngày ở người trưởng thành so với năm 2015	Giảm 15% mức độ tiêu thụ muối trung bình/người/ngày ở người trưởng thành so với năm 2015 ⁶	Đang chờ Bộ Y tế công bố kết quả điều tra STEP năm 2020		

^{2 4 5 6 7 8}: Căn cứ Quyết định số 346/QĐ-BYT ngày 30/1/2015 của Bộ Y tế



TT	Mục tiêu/Chỉ tiêu	Chỉ tiêu đặt ra đến năm 2020	Ước thực hiện	Đánh giá: Đạt/Không đạt	Lý do (Nếu không đạt nêu rõ lý do)
4	Chỉ tiêu 4: Giảm 10% tỷ lệ thiếu hoạt động thể lực ở người trưởng thành so với năm 2015	Giảm 5% tỷ lệ thiếu hoạt động thể lực ở người trưởng thành so với năm 2015 ⁷	Đang chờ Bộ Y tế công bố kết quả điều tra STEP năm 2020		
III	Mục tiêu 3: Hạn chế sự gia tăng tỷ lệ người tiền bệnh, mắc bệnh, tàn tật và tử vong sớm tại cộng đồng do các bệnh các bệnh Ung thư, Tim mạch, Đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và hen phế quản và các BKLN khác				
1	Chỉ tiêu 1: khống chế tỷ lệ bị thừa cân béo phì (BMI \geq 25) dưới 15% ở người trưởng thành - Khống chế tỷ lệ thừa cân béo phì dưới 10% ở trẻ em	Khống chế tỷ lệ bị thừa cân béo phì (BMI \geq 25) dưới 15% ở người trưởng thành ⁸ - Khống chế tỷ lệ thừa cân béo phì dưới 10% ở trẻ em ⁹	Đang chờ Bộ Y tế công bố kết quả điều tra STEP năm 2020 4,9% ¹⁰	Đạt	
2	Chỉ tiêu 2: khống chế tỷ lệ có cholesterol máu cao (>5,0 mmol/L) dưới 35% ở người trưởng thành	Khống chế tỷ lệ có cholesterol máu cao (>5,0 mmol/L) dưới 35% ở người trưởng thành ¹¹	Đang chờ Bộ Y tế công bố kết quả điều tra STEP năm 2020		Chưa có kết quả điều tra STEP năm 2020

^{8 10 12 14} Căn cứ Quyết định số 346/QĐ-BYT ngày 30/1/2015 của Bộ Y tế

¹⁰ Tỷ lệ thừa cân béo phì năm 2019 ở trẻ em dưới 5 tuổi theo báo cáo của Viện Dinh dưỡng



TT	Mục tiêu/Chỉ tiêu	Chỉ tiêu đặt ra đến năm 2020	Ước thực hiện	Đánh giá: Đạt/Không đạt	Lý do (Nếu không đạt nêu rõ lý do)
3	Chỉ tiêu 3: khống chế tỷ lệ bị Tăng huyết áp dưới 30% ở người trưởng thành	Khống chế tỷ lệ bị Tăng huyết áp dưới 20% ở người trưởng thành ¹²	2,7%	Đạt	
4	Chỉ tiêu 4: 50% số người bị Tăng huyết áp được phát hiện - 50% số người phát hiện bệnh được quản lý, điều trị theo hướng dẫn chuyên môn	25% số người bị Tăng huyết áp được phát hiện ¹³	13,6%	Không đạt	Bệnh nhân được điều trị tại hệ thống y tế tư nhân chưa được thống kê đầy đủ
		50% số người phát hiện bệnh được quản lý, điều trị theo hướng dẫn chuyên môn ¹⁴	65,7%	Đạt	
5	Chỉ tiêu 5: Khống chế tỷ lệ bị tiền Đái tháo đường dưới 16% ở người 30-69 tuổi	Khống chế tỷ lệ bị tiền Đái tháo đường dưới 10% ở người 30-69 tuổi ¹⁵	0,19%	Đạt	
6	Chỉ tiêu 6: Khống chế tỷ lệ Đái tháo đường dưới 8% ở người 30-69 tuổi	Khống chế tỷ lệ Đái tháo đường dưới 10% ở người 30-69 tuổi ¹⁶	0,96%	Đạt	

^{12 15} Căn cứ Quyết định số 181/QĐ-SYT ngày 01/4/2020 của Sở Y tế tỉnh Đắk Nông về việc giao chỉ tiêu chuyên môn năm 2020

^{15 17 18 19 20 21} : Căn cứ Quyết định số 181/QĐ-SYT ngày 01/4/2020 của Sở Y tế tỉnh Đắk Nông

TT	Mục tiêu/Chỉ tiêu	Chỉ tiêu đặt ra đến năm 2020	Ước thực hiện	Đánh giá: Đạt/Không đạt	Lý do (Nếu không đạt nêu rõ lý do)
7	Chỉ tiêu 7: 50% số người bị bệnh Đái tháo đường được phát hiện	15% số người bị bệnh Đái tháo đường được phát hiện ¹⁷	22,4%	Đạt	Do tình hình dịch bệnh nên tỷ lệ bệnh nhân đến khám điều trị tại các cơ sở y tế thấp hơn các năm trước. Tuy nhiên kết quả 72,1% đã đạt so với chỉ tiêu Chiến lược
	50% số người phát hiện bệnh được quản lý, điều trị theo hướng dẫn chuyên môn	90% số người phát hiện bệnh được quản lý, điều trị theo hướng dẫn chuyên môn ¹⁸	72,1%	Không đạt	
8	Chỉ tiêu 8: 50% số người mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính được phát hiện ở giai đoạn sớm	40% số người mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính được phát hiện ở giai đoạn sớm ¹⁹	55,8%	Đạt	
	50% số người phát hiện bệnh được điều trị theo hướng dẫn chuyên môn	50% số người phát hiện bệnh được điều trị theo hướng dẫn chuyên môn ²⁰	50,3%	Đạt	
9	Chỉ tiêu 9: 50% số người bệnh hen phế quản được phát hiện và điều trị ở giai đoạn sớm	40% số người bệnh hen phế quản được phát hiện và điều trị ở giai đoạn sớm ²¹	55,3%	Đạt	
	50% số người bệnh hen phế quản được điều trị đạt kiểm soát hen trong đó 20% đạt kiểm soát hoàn toàn	40% số người bệnh hen phế quản được điều trị đạt kiểm soát hen	63,4%	Đạt	
		trong đó 15% đạt kiểm soát hoàn toàn ²²	16%	Đạt	

²¹ Căn cứ Quyết định số 181/QĐ-SYT ngày 01/4/2020 của Sở Y tế tỉnh Đắk Nông



TT	Mục tiêu/Chỉ tiêu	Chỉ tiêu đặt ra đến năm 2020	Ước thực hiện	Đánh giá: Đạt/Không đạt	Lý do (Nếu không đạt nêu rõ lý do)
10	Chỉ tiêu 10: 40% số người mắc một số bệnh Ung thư được phát hiện ở giai đoạn sớm	20% số người mắc một số bệnh Ung thư được phát hiện ở giai đoạn sớm ²³	22%	Đạt	
11	Chỉ tiêu 11: Giảm 20% tỷ lệ tử vong trước 70 tuổi do các bệnh Ung thư, Tim mạch, Đái tháo đường và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính so với năm 2015	Giảm 20% tỷ lệ tử vong trước 70 tuổi do các bệnh Ung thư, Tim mạch, Đái tháo đường và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính so với năm 2015 ²⁴	Không so sánh được ²⁵	-	
IV	Mục tiêu 4: Nâng cao năng lực và hiệu quả trong dự phòng, giám sát, phát hiện, điều trị, quản lý bệnh Ung thư, Tim mạch, Đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và các bệnh không lây nhiễm khác				
1	Chỉ tiêu 1: 90% cơ sở y tế dự phòng bảo đảm cung cấp các dịch vụ thiết yếu phòng chống bệnh không lây nhiễm theo quy định	100% cơ sở y tế dự phòng tuyến tỉnh và 50% cơ sở y tế dự phòng tuyến huyện bảo đảm cung cấp các dịch vụ thiết yếu phòng chống BKLN theo quy định	100%	Đạt	
2	Chỉ tiêu 2: 90% cán bộ y tế thực hiện công tác phòng, chống bệnh không lây nhiễm được đào tạo, tập huấn về dự phòng, giám sát, phát hiện, điều trị, quản lý theo quy định	90%	90%	Đạt	

²² Căn cứ Quyết định số 181/QĐ-SYT ngày 1/4/2020 của Sở Y tế tỉnh Đắk Nông

²³ Căn cứ Quyết định số 181/QĐ-SYT ngày 1/4/2020 của Sở Y tế tỉnh Đắk Nông

²⁴ Căn cứ Quyết định số 346/QĐ-BYT ngày 30/1/2015 của Bộ Y tế

²⁵ Tỷ lệ tử vong trước 70 tuổi do các bệnh Ung thư, Tim mạch, Đái tháo đường và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính năm 2020 là 48,8%



TT	Mục tiêu/Chỉ tiêu	Chỉ tiêu đặt ra đến năm 2020	Ước thực hiện	Đánh giá: Đạt/Không đạt	Lý do (Nếu không đạt nêu rõ lý do)
3	Chỉ tiêu 3: 90% cơ sở y tế xã, phường, thị trấn và tương đương (sau đây gọi chung là y tế xã) có đủ trang thiết bị y tế cơ bản và thuốc thiết yếu theo quy định về chức năng, nhiệm vụ, phục vụ dự phòng, giám sát, phát hiện, điều trị, quản lý theo hệ thống đối với bệnh Ung thư, Tim mạch, Đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản phù hợp	40% ²⁶	45%	Đạt	

²⁶: Căn cứ Quyết định số 2559/QĐ-BYT ngày 20/4/2018 của Bộ Y tế: đến năm 2020, ít nhất 70% Trạm Y tế thực hiện dự phòng, phát hiện sớm, chẩn đoán, điều trị, quản lý Tăng huyết áp theo nguyên lý y học gia đình; ít nhất 40% Trạm Y tế thực hiện dự phòng, phát hiện sớm, điều trị và quản lý Đái tháo đường theo nguyên lý y học gia đình. Vì vậy chỉ tiêu này thống kê những Trạm Y tế thực hiện quản lý điều trị đối với cả 2 bệnh Tăng huyết áp và Đái tháo đường.